



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN EVERLAND

Tầng 3, Tòa nhà 97-99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104228175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2009. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 0100104066, sửa đổi lần thứ 25 ngày 09/6/2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 3, Tòa nhà 97-99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động Tập đoàn trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thúc Cẩn	Thành viên
Bà Dương Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Lê Đình Tuấn	Thành viên
Ông Ngô Việt Hưng	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thúc Cẩn	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Cao Thị Hòa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Hà Nguyên	Thành viên
Bà Vũ Minh Huệ	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Ông Lê Đình Vinh	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thúc Cẩn	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và tình hình tài chính hợp nhất kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 36, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Cán

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024



Số: 074/2024/BCKTHN-HT.00186

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 27/3/2024, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn vào ngày 20/12/2023 và do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế số lượng tiền mặt tồn quỹ và hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng tiền mặt tồn quỹ và số lượng hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022. Do số dư tiền mặt và hàng tồn kho đầu năm có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm của Tập đoàn, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh đối với lợi nhuận cho năm tài chính được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất”, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến chấp nhận toàn phần về tình hình tài chính

Theo ý kiến của chúng tôi, Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên trong báo cáo kiểm toán ngày 14/4/2023 về việc:

- (i) Do được bổ nhiệm là kiểm toán viên sau và xa ngày kết thúc năm tài chính 2022 nên chúng tôi đã không thể thực hiện được thủ tục chứng kiến kiểm kê tiền mặt và hàng tồn kho tại các công ty trong Tập đoàn ngày 31/12/2022 cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết khác. Số dư tiền mặt và hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 của Tập đoàn lần lượt là 9.811.009.173 VND và 184.194.102.228 VND. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục này tại ngày 31/12/2022, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tập đoàn.
- (ii) Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đang được sử dụng làm số liệu so sánh cho Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ký kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 59.2022/BCKT-BCTC-CPA HANOI phát hành ngày 28/3/2022. Tuy nhiên, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết khác cho số dư tiền mặt và hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31/12/2021 với số tiền lần lượt là 13.520.860.034 VND và 214.572.262.534 VND. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục tại ngày 01/01/2022 được sử dụng là số liệu so sánh, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Tập đoàn.

Vấn đề (i) tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đã được Kiểm toán viên nêu ý kiến kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán này.

Vấn đề (ii) không ảnh hưởng đối với ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.719.632.458.662	1.910.361.342.748
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	129.089.188.082	30.282.114.819
Tiền	111		52.589.188.082	30.282.114.819
Các khoản tương đương tiền	112		76.500.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.678.454.455.149	1.055.733.370.253
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	271.326.327.548	400.275.838.006
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	414.754.870.842	391.378.943.562
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	195.580.000.000	80.600.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	796.793.256.759	183.478.588.685
Hàng tồn kho	140	5.7	910.636.307.337	816.011.282.412
Hàng tồn kho	141		910.636.307.337	816.011.282.412
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.452.508.094	8.334.575.264
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	86.718.525	65.196.957
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.365.789.569	8.269.378.307
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		881.509.903.747	753.371.260.695
Các khoản phải thu dài hạn	210		66.235.372.150	66.545.372.150
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	66.235.372.150	66.545.372.150
Tài sản cố định	220		997.878.686	1.415.872.010
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	997.878.686	1.415.872.010
- Nguyên giá	222		5.530.785.364	5.530.785.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.532.906.678)	(4.114.913.354)
Tài sản dở dang dài hạn	240		150.000.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		150.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	811.124.454.878	685.143.937.922
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		551.623.754.878	550.643.237.922
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		244.500.700.000	134.500.700.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	255		15.000.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.002.198.033	266.078.613
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	3.002.198.033	266.078.613
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.601.142.362.409	2.663.732.603.443
(270 = 100 + 200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
NỢ PHẢI TRẢ	300		971.831.846.448	65.185.088.192
Nợ ngắn hạn	310		448.397.742.497	64.830.740.192
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	131.689.593.201	47.403.774.551
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	204.186.831.231	303.732.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	20.400.335.612	8.790.345.491
Phải trả người lao động	314		957.847.628	995.544.002
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	6.452.944.191	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.774.888.698	696.794.061
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	74.649.848.049	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.285.453.887	6.640.550.087
Nợ dài hạn	330		523.434.103.951	354.348.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	377.400.000	354.348.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	523.000.000.000	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		56.703.951	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.629.310.515.961	2.598.547.515.251
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	2.629.310.515.961	2.598.547.515.251
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(706.800.000)	(706.800.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		39.602.907.773	37.297.100.174
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.634.578.897	48.418.359.425
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		44.876.177.734	23.028.270.980
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.758.401.163	25.390.088.445
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		362.281.469.291	361.040.495.652
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.601.142.362.409	2.663.732.603.443

Người lập biểu



Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Bằng

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Cẩn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.090.134.190.400	1.277.677.911.956
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	364.720.662	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.089.769.469.738	1.277.677.911.956
Giá vốn hàng bán	11	6.3	1.041.676.761.587	1.240.041.610.141
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48.092.708.151	37.636.301.815
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	11.863.985.578	5.998.581.736
Chi phí tài chính	22	6.5	1.078.916.622	22.602.739
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.078.916.622	22.602.739
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		980.516.956	718.373.875
Chi phí bán hàng	25	6.6	6.746.781.687	2.455.875.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	11.229.860.409	6.314.809.648
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		41.881.651.967	35.559.969.494
Thu nhập khác	31		1.617.351.897	152.820.358
Chi phí khác	32		2.972.373.330	2.571.454.180
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.355.021.433)	(2.418.633.822)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.526.630.534	33.141.335.672
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	9.034.574.151	7.330.584.366
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		56.703.951	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50 - 51)	60		31.435.352.432	25.810.751.306
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		30.758.401.163	25.390.088.445
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		676.951.269	420.662.861
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		141	127

Người lập biểu



Nguyễn Thu Ngân

Kế toán trưởng



Nguyễn Tâm Bằng

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúc Cẩn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		40.526.630.534	33.141.335.672
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		417.993.324	364.844.136
Các khoản dự phòng	03		-	(117.861.983)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.844.502.534)	(6.716.955.611)
Chi phí lãi vay	06		1.078.916.622	22.602.739
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.179.037.946	26.693.964.953
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(678.736.825.161)	62.460.272.118
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(94.625.024.925)	30.544.044.622
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		302.173.233.283	(704.455.037.731)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.757.640.988)	32.129.206
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.078.916.622)	(22.602.739)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.903.763.804)	(5.983.765.273)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		734.829.750	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(957.600.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(449.015.070.521)	(591.688.594.844)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.193.618.182)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(465.679.000.000)	(193.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		522.699.000.000	125.400.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(110.000.000.000)	(662.871.221.666)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	235.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.661.661.985	2.062.540.718
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.318.338.015)	(494.702.299.130)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.050.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	600.630.624.714	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(2.980.776.665)	(2.000.000.000)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(509.366.250)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		597.140.481.799	1.048.000.000.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		98.807.073.263	(38.390.893.974)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.282.114.819	68.673.008.793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	129.089.188.082	30.282.114.819
(70 = 50+60+61)				

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024
Tổng Giám đốc


Nguyễn Thu Ngân



Nguyễn Tâm Bằng



Nguyễn Thúc Cẩn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104228175 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/10/2009. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 0100104066, sửa đổi lần thứ 25 ngày 09/6/2023.

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 2.152.498.360.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại và Bất động sản**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Điều hành tua du lịch.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

- a) Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 04 công ty con (tại ngày 31/12/2022: 03 công ty con)
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 04 công ty
 - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 84 người (tại ngày 31/12/2022 là: 56 người).

- b) Các công ty con được hợp nhất:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty tại công ty con	
			% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty Cổ phần Everland Phú Yên	Hà Nội	91,25%	91,25%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Đài Bay	Hà Nội	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Everland Vân Đồn	Quảng Ninh	60,00%	60,00%
4	Công ty Cổ phần Meta Tour	Hà Nội	90,00%	90,00%

- c) Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ của Công ty tại công ty liên kết	
			% quyền biểu quyết	% lợi ích
1	Công ty Cổ phần Everland An Giang	Hồ Chí Minh	45,83%	45,83%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Tập đoàn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con do Công ty kiểm soát được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Tập đoàn và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa Tập đoàn và công ty liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho là bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm: Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất; Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và Chi phí lãi vay (nếu có), chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản chi phí hoa hồng đại lý, chi phí hỗ trợ lãi suất phát sinh trước khi Tập đoàn bàn giao bất động sản cho khách hàng, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí hoa hồng đại lý, chi phí hỗ trợ lãi suất phát sinh trước khi Tập đoàn bàn giao bất động sản cho khách hàng được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo doanh thu kinh doanh bất động sản khi bàn giao cho khách hàng.

Các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tập đoàn. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.7 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Tập đoàn tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

4.8 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa Tập đoàn và công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.14 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh thương mại là vật liệu xây dựng là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý được dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
+ Tiền mặt	2.072.080.601	9.811.009.173
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.517.107.481	20.471.105.646
+ Các khoản tương đương tiền	76.500.000.000	-
Cộng	129.089.188.082	30.282.114.819

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2023 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND, có kỳ hạn 01 tháng, lãi suất từ 2,3%/năm đến 3,25%/năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.2. Các khoản đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	-	-	-	-
Dài hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Trái phiếu	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
Cộng	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty Cổ phần Everland An Giang	550.000.000.000	551.623.754.878	550.000.000.000	550.643.237.922
Cộng	550.000.000.000	551.623.754.878	550.000.000.000	550.643.237.922

Đầu tư vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Quốc tế CRH	113.500.700.000	-	(**)	113.500.700.000
Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	131.000.000.000	-	(**)	21.000.000.000
Cộng	244.500.700.000	-	-	134.500.700.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính**Chi tiết giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết*

	Năm 2023
	VND
+ Số đầu năm	643.237.922
+ Lãi phát sinh sau ngày đầu tư	980.516.956
Số cuối năm	1.623.754.878

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31/12/2023

	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động
+ Công ty liên doanh, liên kết				
+ Công ty Cổ phần Everland An Giang	45,83%	45,83%	Kinh doanh bất động sân	Tầng 5, Tòa nhà 47-49 đường Trương Định, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
+ Đầu tư vào đơn vị khác				
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Quốc tế CRH	18,92%	18,92%	Điều hành tua du lịch	Tầng 6, Tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
+ Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	16,58%	16,58%	Kinh doanh bất động sân	Tầng 3, Tòa nhà 97-99 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

(**) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.3. Phải thu của khách hàng**

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Công ty TNHH Thương mại Hà Vĩnh	22.080.575.026	199.486.268.483
+ Công ty Cổ Phần Thương Mại Mango Việt Nam	259.955.596	77.082.159.913
+ Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	79.790.782.288	82.594.543.233
+ Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô Thị VinaHud	23.725.875.206	26.008.471.566
+ Công ty Cổ phần NAMHA INDUSONE	22.608.862.980	-
+ Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng DELTA	103.280.543.642	-
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	19.579.732.810	15.104.394.811
Cộng	271.326.327.548	400.275.838.006

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Công ty Luật TNHH Vietthink	2.593.109.909	695.088.199
+ Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	71.161.857	3.326.619
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Quốc tế CRH	644.624.440	156.128.125
Cộng	3.308.896.206	854.542.943

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng UNICONS	49.732.865.888	-
+ Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng DELTA	22.388.783.279	22.241.180.025
+ Công ty CP Bất động sản và Xây dựng Kinh Bắc	63.381.515.788	115.208.013.973
+ Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Thương mại An Thuận	130.910.561.504	112.901.293.515
+ Công Ty TNHH Đầu Tư và Xây Dựng Hùng Quân	70.872.000.000	119.562.544.203
+ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dịch vụ Hoàng Nguyên	41.483.000.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hoàng	26.496.000.000	-
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	9.490.144.383	21.465.911.846
Cộng	414.754.870.842	391.378.943.562

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
+ Bà Lê Minh Nguyệt	42.500.000.000	-
+ Ông Lê Văn Tiến	40.000.000.000	-
+ Ông Trương Quang Thế	33.000.000.000	-
+ Ông Trương Quang Mạnh	25.000.000.000	-
+ Bà Đoàn Thị Vân Anh	-	19.600.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Kim Dung	-	24.000.000.000
+ Ông Nguyễn Thúc Cẩn	10.000.000.000	37.000.000.000
+ Các cá nhân khác	45.080.000.000	-
Cộng	195.580.000.000	80.600.000.000

(*) Số dư tại ngày 31/12/2023 bao gồm các khoản cho cá nhân vay có tài sản đảm bảo, thời hạn cho vay từ 03 tháng đến 06 tháng, lãi suất từ 1,5%/năm đến 5%/năm.

5.6. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
+ Phải thu người lao động	785.551.000	-	3.367.438.000	-
+ Tạm ứng cho các dự án (1)	119.811.124.000	-	-	-
+ Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.298.216.458	-	111.150.685	-
+ Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Du Thuyền Đệ Nhất (2)	-	-	180.000.000.000	-
+ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh (3)	637.500.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	37.398.365.301	-	-	-
Cộng	796.793.256.759	-	183.478.588.685	-

b) Dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
+ Ký cược, ký quỹ (6)	1.535.372.150	-	1.845.372.150	-
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư BĐS Thiên Minh (4)	64.200.000.000	-	64.200.000.000	-
+ Dự án BT Phú Yên (5)	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	66.235.372.150	-	66.545.372.150	-

(1) Đây là các khoản tạm ứng với mục đích thực hiện các thỏa thuận hỗ trợ, đền bù cho các dự án bất động sản. Trong đó bao gồm khoản tạm ứng của Ông Nguyễn Thúc Cẩn - Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tập đoàn, số tiền 98.612.236.000 đồng, mục đích: thực hiện các thỏa thuận hỗ trợ, đền bù cho dự án tại Vịnh Xuân Đài, Phú Yên.

- (2) Trong năm, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng hợp tác đầu tư thực hiện dự án "Khu du lịch và Dịch vụ Du thuyền Đệ Nhất", với giá trị chuyển nhượng là 187.000.000.000 VND.
- (3) Thông tin chi tiết khoản phải thu Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh tại ngày 31/12/2023, số tiền 637.500.000.000 VND.

Khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh là một phần số tiền đặt cọc trên Hợp đồng đặt cọc số HH5/2023/HĐĐC/AK-EVG, ngày 11/08/2023 để thực hiện nhận chuyển nhượng một phần Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh tại Ô đất HH5 theo tỷ lệ hợp tác của Công ty tại Thỏa thuận hợp tác số 01/HH5/2023/TTHT/EVG-TN-HNV-TP-VN-TQ-CT-ALA-HL-TT-ĐKH, ngày 11/08/2023.

Thông tin của Phần Dự án nhận chuyển nhượng

Tên gọi dự kiến: Sky Lumiere Center

Địa điểm: tại Ô đất ký hiệu HH5 nằm trong Dự án Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Bắc An Khánh

Diện tích đất: 48.452 m²

Chức năng sử dụng đất: Đất hỗn hợp (công cộng, thương mại - dịch vụ - văn phòng và nhà ở)

Tổng diện tích sàn xây dựng theo quy hoạch: 194.592 m²

Hiện trạng đang sử dụng: đất trống

Toàn bộ quyền, tài sản và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng đặt cọc số HH5/2023/HĐĐC/AK-EVG, ngày 11/08/2023 hiện đang được thế chấp cho Ngân hàng HD Bank - CN Hà Nam để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty.

- (4) Thông tin chi tiết khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu tư BĐS Thiên Minh tại ngày 31/12/2023, số tiền 64.200.000.000 VND.

Khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư BĐS Thiên Minh theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số: 99/2021/HĐHTĐT/EVG-THIENMINH ngày 01/04/2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đầu Tư Bất Động Sản Thiên Minh để cùng triển khai thực hiện Dự án Khu đô thị New City tại phường Núi Sơn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Thông tin của hợp đồng và dự án

Tên dự án: Khu đô thị The New City

Địa điểm thực hiện dự án: Phường Núi Sơn, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang

Diện tích dự án: 106,73 ha

Tổng vốn đầu tư: 3.500 tỷ VND

Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 448/QĐ-UBND do UBND tỉnh An Giang cấp ngày 04/3/2020

Ngày 02/4/2021, Dự án đã được UBND Thành phố Châu Đốc phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị The New City, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tại Quyết định số 325/QĐ-UBND

Nội dung hợp tác: hoàn thiện thủ tục và hồ sơ pháp lý về đầu tư, xây dựng, đất đai của Dự án; Huy động vốn đầu tư; Bồi thường giải phóng mặt bằng; Triển khai đầu tư xây dựng; Quản lý dự án; Phân phối sản phẩm; Phân chia lợi ích và rủi ro; Các vấn đề khác liên quan đến Dự án

Tỷ lệ tham gia hợp tác đầu tư: Công ty Thiên Minh 30%, Công ty 70%

- (5) Thông tin về khoản phải thu liên quan đến Dự án BT Phú Yên:

Thỏa thuận liên danh tham gia thực hiện dự án đường QL1 (Phú Khê) - Trung tâm hành chính xã Hòa Tâm - Khu công nghiệp Hòa Hiệp 2, tỉnh Phú Yên theo hình thức hợp đồng BT trên nguyên tắc cùng góp vốn để nghiên cứu và đề xuất dự án.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các bên tham gia: Công ty Quảng Lợi, Công ty cổ phần Tập đoàn Everland và Công ty cổ phần Bất động sản Trường Phúc.

Tỷ lệ tham gia liên danh: Công ty Quảng Lợi 40%, Công ty cổ phần Tập đoàn Everland 30% và Công ty Cổ phần BĐS Trường Phúc: 30%.

- (6) Khoản ký cược, ký quỹ dài hạn tại ngày 31/12/2023, là các khoản tiền đặt cọc để thuê văn phòng. Cụ thể:

Công ty đặt cọc 3 tháng tiền thuê cho Ông Trần Mạnh Dũng để thuê mặt bằng tầng 6, tòa nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, theo hợp đồng số 18/2021/HDVP ngày 18/01/2021, thời hạn hợp đồng 3 năm từ 01/04/2021.

Công ty đặt cọc 3 tháng tiền thuê cho Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ BĐS Đông Dương để thuê toàn bộ mặt bằng tầng 3, tòa nhà 97-99 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội theo hợp đồng số 0108/2019, thời hạn hợp đồng 5 năm từ 01/10/2019.

5.7. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
+ Nguyên liệu, vật liệu	-	-	119.116.715	-
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	823.740.278.652	-	634.225.048.925	-
+ Hàng hóa	67.357.793.530	-	181.667.116.772	-
+ Hàng gửi bán	19.538.235.155	-	-	-
Cộng	910.636.307.337	-	816.011.282.412	-

- (*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

		31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
- Chi phí thực hiện dự án bất động sản để bán đang xây dựng (i)		821.332.409.911	631.817.180.184
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến việc cung cấp dịch vụ xây dựng		2.407.868.741	2.407.868.741
Cộng		823.740.278.652	634.225.048.925

- (i) Chi phí thực hiện dự án bất động sản để bán đang xây dựng chủ yếu bao gồm tiền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng và phát triển dự án Tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng và giải trí Crystal Holidays Harbour Vân Đồn, tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn và một số dự án khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư 01/01/2023	383.636.364	4.888.849.000	258.300.000	5.530.785.364
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư 31/12/2023	383.636.364	4.888.849.000	258.300.000	5.530.785.364
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư 01/01/2023	383.636.364	3.502.008.178	229.268.812	4.114.913.354
Khấu hao trong năm		410.393.328	7.599.996	417.993.324
Thanh lý, nhượng bán				
Số dư 31/12/2023	383.636.364	3.912.401.506	236.868.808	4.532.906.678
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	-	1.386.840.822	29.031.188	1.415.872.010
Tại ngày 31/12/2023	-	976.447.494	21.431.192	997.878.686

(*) Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 976.447.494 đồng

(*) Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 603.936.364 đồng

5.9. Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
+ Công cụ, dụng cụ xuất dùng	40.849.246	44.356.524
+ Các khoản khác	45.869.279	20.840.433
Cộng	86.718.525	65.196.957
Dài hạn		
+ Công cụ, dụng cụ xuất dùng	31.997.816	256.807.982
+ Chi phí bán hàng liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao	2.967.110.579	-
+ Các khoản khác	3.089.638	9.270.631
Cộng	3.002.198.033	266.078.613

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
+ Công ty TNHH Tập đoàn Xây dựng DELTA	81.847.413.315	81.847.413.315	-	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng UNICONS	3.551.480.760	3.551.480.760	-	-
+ Công ty Cổ phần BKT	17.085.819.765	17.085.819.765	-	-
+ Công ty CP Xây dựng & Dịch vụ Thương mại Phương Nam 135	8.290.892.670	8.290.892.670	-	-
+ Công ty CP Bê tông và Xây dựng Bắc Đô	5.213.981.300	5.213.981.300	-	-
+ Công ty TNHH Thiết bị Hùng Phát	196.268.904	196.268.904	27.556.196.500	27.556.196.500
+ Công ty Cổ Phần Xây dựng và Thương mại An Thuận	-	-	15.340.365.572	15.340.365.572
+ Phải trả cho các đối tượng khác	15.503.736.487	15.503.736.487	4.507.212.479	4.507.212.479
Cộng	131.689.593.201	131.689.593.201	47.403.774.551	47.403.774.551

5.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
+ Thanh toán theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (i)	204.186.831.231	-
+ Các khoản người mua trả tiền trước khác	-	303.732.000
Cộng	204.186.831.231	303.732.000

(i) Đây là số dư các khoản thanh toán theo tiến độ từ các khách hàng đã ký hợp đồng mua bán bất động sản tại dự án Tổ hợp du lịch, nghỉ dưỡng và giải trí Crystal Holidays Harbour Vân Đồn, tại xã Hạ Long, huyện Vân Đồn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
+ Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.370.298.776	13.921.299.802	7.408.530.015	7.883.068.563
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.317.558.087	9.034.874.151	3.903.763.804	12.448.668.434
+ Thuế thu nhập cá nhân	102.488.628	137.411.160	171.301.173	68.598.615
+ Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	14.000.000	14.000.000	-
+ Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	226.215.860	226.215.860	-
Cộng	8.790.345.491	23.333.800.973	11.723.810.852	20.400.335.612

5.13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Chi phí lãi vay	6.218.684.932	-
+ Các khoản trích trước khác	234.259.259	-
Cộng	6.452.944.191	-

5.14. Phải trả khác

a) Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	132.860.500	186.985.745
+ Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	240.000.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	509.366.250
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.402.028.198	442.066
Cộng	1.774.888.698	696.794.061

b) Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	377.400.000	354.348.000
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	377.400.000	354.348.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.15. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh trong năm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
a) Vay ngắn hạn						
+ Ngân hàng MB Bank - CN Hà Đông	1.650.000.000	1.650.000.000	1.650.000.000	-	-	-
+ Ngân hàng VP Bank - CN Chương Dương	12.999.848.049	12.999.848.049	15.980.624.714	-	-	-
+ Ngân hàng Agribank- Vĩnh Phúc II	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-
Cộng	74.649.848.049	74.649.848.049	277.630.624.714	2.980.776.665	-	-
	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh trong năm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
b) Vay dài hạn						
+ Ngân hàng HD Bank - CN Hà Nam	523.000.000.000	523.000.000.000	523.000.000.000	-	-	-
Cộng	523.000.000.000	523.000.000.000	523.000.000.000	-	-	-
	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Phát sinh trong năm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	
(*) Chi tiết số dư các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo thời gian như sau						
+ Từ 1 năm trở xuống	-	-	-	-	-	-
+ Trên 1 năm đến 5 năm	523.000.000.000	523.000.000.000	-	-	-	-
+ Trên 5 năm	-	-	-	-	-	-
Cộng	523.000.000.000	523.000.000.000	-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(*) Thông tin chi tiết về khoản vay tại ngày 31/12/2023:

Bên cho vay	Số dư cuối năm VND	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm khoản vay
(1) Ngân hàng VP Bank - CN Ngô Quyền - PGD Chương Dương	12.999.848.049	Theo từng kỳ ước nhận nợ cụ thể	Theo từng kỳ ước nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng của công ty	Tài sản thế chấp: cổ phiếu thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Thúc Cẩn
(2) Ngân hàng Agribank- CN Vĩnh Phúc II	60.000.000.000	06 tháng	8%/năm và điều chỉnh lãi suất cho vay theo định kỳ 03 tháng/lần	Bổ sung vốn lưu động để thực hiện hoạt động SXKD	Thế chấp tài sản là QSD đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp số 0104228175/HĐTC, ký ngày 11/10/2023 giữa NH với Bên thế chấp là Ông Lê Đình Vinh cùng vợ là Bà Lê Kim Thanh
(3) Ngân hàng HD Bank - CN Hà Nam	523.000.000.000	36 tháng	12%/năm tại ngày nhận nợ và điều chỉnh 03 tháng/lần	Cho vay thanh toán Hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng một phần dự án/Hợp đồng chuyển nhượng một phần dự án - dự án HH5 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp GCN CT-DA 00506, ngày 21/3/2020 thuộc dự án Sky Lumiere Center	Toàn bộ quyền, tài sản và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng đặt cọc để chuyển nhượng một phần dự án - Dự án Sky Lumiere Center. Giá trị định giá: 743,663 tỷ đồng; Giá trị đảm bảo tối đa: 523 tỷ đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.16. Vốn chủ sở hữu**

a)	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng VND
Số dư 01/01/2022		1.050.000.000.000	(451.200.000)	35.038.523.150	81.015.294.972	400.462.546.013	1.566.065.164.135
Tăng vốn trong năm trước		1.102.498.360.000			(52.498.360.000)		1.050.000.000.000
Lãi trong năm trước					25.390.088.445	420.662.861	25.810.751.306
Tăng do hợp nhất						145.162.219.588	145.162.219.588
Trích quỹ ĐTPT				2.258.577.024	(2.258.577.024)		-
Trích quỹ KTPL					(1.129.288.512)		(1.129.288.512)
Thường ĐĐH					(492.000.000)		(492.000.000)
Giảm do chuyển nhượng vốn					(1.613.731.266)	(185.000.000.000)	(186.613.731.266)
Tăng/(giảm) khác		(255.600.000)			4.932.810	(4.932.810)	(255.600.000)
Số dư 01/01/2023		2.152.498.360.000	(706.800.000)	37.297.100.174	48.418.359.425	361.040.495.652	2.598.547.515.251
Tăng vốn trong năm nay					30.758.401.163	676.951.269	31.435.352.432
Lãi trong năm nay					408.829.708	(408.829.708)	-
Điều chỉnh sai sót lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày 31/12/2022							
Mua mới các công ty con trong năm						972.852.078	972.852.078
Trích quỹ ĐTPT				2.305.807.599	(2.305.807.599)		-
Trích quỹ KTPL					(1.152.903.800)		(1.152.903.800)
Thường ĐĐH					(492.000.000)		(492.000.000)
Giảm khác					(300.000)		(300.000)
Số dư 31/12/2023		2.152.498.360.000	(706.800.000)	39.602.907.773	75.634.578.897	362.281.469.291	2.629.310.515.961

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Ông Lê Đình Vinh	566.691.000.000	566.691.000.000
+ Ông Nguyễn Thúc Cẩn	161.437.500.000	161.437.500.000
+ Công ty TNHH Dream House Asia	116.850.000.000	116.850.000.000
+ Vốn góp của các đối tượng khác	1.307.519.860.000	1.307.519.860.000
Cộng	<u>2.152.498.360.000</u>	<u>2.152.498.360.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	2.152.498.360.000	1.050.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	1.102.498.360.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.152.498.360.000	2.152.498.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	52.498.360.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	215.249.836	215.249.836
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	215.249.836	215.249.836
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	215.249.836	215.249.836

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

a) Doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
+ Doanh thu bán hàng	1.066.458.992.210	1.257.050.083.186
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.675.198.190	10.692.170.074
+ Doanh thu xây lắp	-	9.935.658.696
Cộng	<u>1.090.134.190.400</u>	<u>1.277.677.911.956</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
+ Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	257.131.178	130.479.009
+ Công ty Luật TNHH Vietthink	4.913.654.979	3.580.456.610
Cộng	<u>5.170.786.157</u>	<u>3.710.935.619</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Giảm giá hàng bán	364.720.662	-
Cộng	364.720.662	-

6.3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.024.947.580.178	1.224.780.409.526
+ Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.729.181.409	7.509.276.886
+ Giá vốn xây lắp	-	7.751.923.729
Cộng	1.041.676.761.587	1.240.041.610.141

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.863.985.578	2.062.540.718
+ Lãi bán các khoản đầu tư	7.000.000.000	3.936.041.018
Cộng	11.863.985.578	5.998.581.736

6.5. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Lãi tiền vay	1.078.916.622	22.602.739
+ Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	1.078.916.622	22.602.739

6.6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Chi phí nhân viên	6.383.338.433	1.946.953.545
+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng	450.000	-
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.993.254	508.922.000
Cộng	6.746.781.687	2.455.875.545

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Chi phí nhân viên quản lý	5.074.911.596	1.939.946.063
+ Chi phí đồ dùng văn phòng	237.939.893	298.903.108
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	281.195.548	364.844.136
+ Thuế, phí và lệ phí	26.707.450	15.500.000
+ Chi phí lợi thế thương mại	244.331.296	-
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.946.382.142	2.631.424.358
+ Chi phí bằng tiền khác	418.392.484	1.064.191.983
Cộng	11.229.860.409	6.314.809.648

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.158.469	132.399.400
+ Chi phí nhân công	11.458.250.029	4.135.672.448
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	417.993.324	364.844.136
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.437.431.777	604.597.865.106
+ Chi phí khác bằng tiền	909.627.973	8.327.120.313
Cộng	207.319.461.572	617.557.901.403

6.9. Thu nhập khác

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
+ Các khoản khác	1.617.351.897	124.851.464
Cộng	1.617.351.897	124.851.464

6.10. Chi phí khác

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Các khoản bị phạt	302.944.297	281.373.178
+ Các khoản khác	2.669.429.033	2.290.081.002
Cộng	2.972.373.330	2.571.454.180

6.11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9.034.574.151	7.330.584.366
+ Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.034.574.151	7.330.584.366

6.12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	(trình bày lại) VND
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	30.758.401.163	25.390.088.445
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(492.000.000)	(1.644.903.800)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(1.152.903.800)
<i>Trích quỹ thưởng Ban điều hành</i>	(492.000.000)	(492.000.000)
+ Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.758.401.163	23.745.184.645
+ Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	215.249.836	215.249.836
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	141	110

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Việc tính toán lại lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 127 đồng/cổ phiếu xuống 110 đồng/cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP****7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
+ Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	600.630.624.714	-
Cộng	600.630.624.714	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
+ Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.980.776.665	2.000.000.000
Cộng	2.980.776.665	2.000.000.000

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Tập đoàn không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

8.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Everland An Giang	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Everland Vĩnh Phúc	Công ty cùng thành viên quản lý chủ chốt
3	Công ty Luật TNHH Vietthink	Công ty cùng thành viên quản lý chủ chốt
4	Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Quản lý chủ chốt của Công ty

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng

TT	Bên liên quan	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
1	Ông Lê Đình Vinh - Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
2	Ông Nguyễn Thúc Cẩn – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	293.880.000	297.120.000
3	Bà Dương Thị Vân Anh - Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
4	Ông Lê Đình Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	258.465.000	259.275.000
5	Ông Ngô Việt Hưng - Thành viên độc lập HĐQT	60.000.000	40.000.000
6	Bà Cao Thị Hòa - Trưởng BKS	60.000.000	60.000.000
7	Ông Nguyễn Hà Nguyên - Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
8	Bà Vũ Minh Huệ - Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000
9	Nguyễn Tâm Bằng - Kế toán trưởng	162.417.000	-
10	Khuông Thị Hường - Kế toán trưởng	-	185.772.000
	Cộng	1.086.762.000	1.094.167.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- c) Giao dịch trọng yếu của Công ty và các Công ty con với các bên liên quan khác
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Xem chi tiết tại thuyết minh số 6.1)
- d) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
1 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn Xem chi tiết tại thuyết minh số 5.3		
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty Luật TNHH Vietthink	-	2.000.000.000
3 Phải thu về cho vay ngắn hạn		
- Ông Nguyễn Thúc Cẩn	10.000.000.000	37.000.000.000
4 Phải thu khác (chi tiết tạm ứng)		
- Ông Nguyễn Thúc Cẩn	98.612.236.000	262.236.000

**8.3 Trình bày lại dữ liệu tương ứng**

Tập đoàn đã thực hiện điều chỉnh lại một số chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do thay đổi phương pháp kế toán liên quan đến việc hạch toán và trình bày các chi phí thực hiện dự án bất động sản đang xây dựng. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	<u>31/12/2022</u> Đã trình bày	Điều chỉnh	<u>31/12/2022</u> (trình bày lại)
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
141	Hàng tồn kho	184.194.102.228	631.817.180.184	816.011.282.412
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	631.817.180.184	(631.817.180.184)	-
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
11	Tăng, giảm các khoản phải trả	(278.063.263.857)	(426.391.773.874)	(704.455.037.731)
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(427.585.392.056)	426.391.773.874	(1.193.618.182)

8.4 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thu Ngân

Nguyễn Tâm Bằng



Nguyễn Thúc Cẩn